

PHỤ LỤC 1
GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÁNH GIÁ HỌC SINH QUỐC TẾ
(PISA) CHU KỲ 2025

*(Kèm theo Công văn số 1060/QLCL-KTĐGQG ngày 19 tháng 6 năm 2024
của Cục Quản lý chất lượng)*

1. PISA là gì

PISA là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh “Programme for International Student Assessment - Chương trình đánh giá học sinh quốc tế” do Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) thực hiện. Chương trình này đánh giá năng lực sử dụng kiến thức và kỹ năng đọc hiểu, toán học và khoa học của học sinh tuổi 15 để giải quyết những thách thức thực tế.

Sự phát triển của PISA bắt nguồn từ câu hỏi: “Điều gì quan trọng mà công dân cần biết và có thể làm?”. Mục tiêu của PISA là tạo ra các chỉ số đáng tin cậy, chất lượng cao về kết quả của hệ thống giáo dục, có thể so sánh giữa các quốc gia, nền kinh tế để thúc đẩy cải thiện và đổi mới.

PISA được tiến hành dưới sự phối hợp quản lý của các nước thành viên OECD, cùng với đó là sự hợp tác ngày càng nhiều của các nước không thuộc OECD, được gọi là “các nước đối tác”. Tổ chức OECD giám sát chương trình thông qua ban điều hành PISA (PGB) và quản lý chương trình thông qua cơ quan thư ký đặt trụ sở tại Pari. Trong mỗi kì PISA, OECD lại chọn ra một nhà thầu quốc tế, quá trình chọn lựa này mang tính cạnh tranh và được diễn ra công khai.

PISA đánh giá học sinh tuổi 15 đang học tại trường ở lớp 7 trở lên. Đây là một khảo sát theo độ tuổi, không phải theo lớp. Vì PISA hướng đến học sinh đang hoặc sắp kết thúc giáo dục bắt buộc ở nhiều quốc gia và mức độ sẵn sàng của học sinh đối với những thách thức hàng ngày của cuộc sống khi các em đã trưởng thành trong xã hội hiện đại.

PISA tập trung vào việc đánh giá năng lực của học sinh ở ba lĩnh vực: Toán học, Khoa học và Đọc hiểu với chu kỳ ba năm một lần. Mặc dù mỗi kỳ khảo sát PISA đều đánh giá học sinh ở ba lĩnh vực trên, tuy nhiên sẽ tập trung hơn vào một lĩnh vực chính theo dạng quay vòng để từ đó phân tích dữ liệu các chu kỳ theo nhiều hướng khác nhau. Đối với PISA chu kỳ 2025, Khoa học là lĩnh vực trọng tâm.

Các lĩnh vực được đánh giá qua các chu kỳ PISA

Chu kỳ 2012	Chu kỳ 2015	Chu kỳ 2018	Chu kỳ 2022	Chu kỳ 2025
Đọc hiểu	Đọc hiểu	Đọc hiểu	Đọc hiểu	Đọc hiểu
Toán học	Toán học	Toán học	Toán học	Toán học
Khoa học	Khoa học	Khoa học	Khoa học	Khoa học

Lĩnh vực in đậm là lĩnh vực trọng tâm của mỗi chu kỳ

2. Đặc điểm của PISA

PISA tập trung vào việc đánh giá năng lực của học sinh ở ba lĩnh vực: Toán học, Khoa học và Đọc hiểu với chu kỳ ba năm một lần. Mặc dù mỗi kỳ khảo sát PISA đều đánh giá học sinh ở ba lĩnh vực trên, tuy nhiên, ở một chu kỳ cụ thể của PISA tập trung hơn vào một lĩnh vực chính theo dạng quay vòng, để từ đó phân tích dữ liệu các chu kỳ theo nhiều hướng khác nhau và so sánh đánh giá chuyên sâu sau 9 năm.

Năng lực, phẩm chất cần đạt của học sinh là mục tiêu giáo dục ở mỗi cấp học do mỗi quốc gia xác định phù hợp bối cảnh (hiện tại và tương lai) trong nước và quốc tế; thực tế có thể có nhiều cách đạt được mục tiêu này (qua chương trình, dạy và học...). Kết quả đánh giá PISA giúp mỗi quốc gia biết mức độ đạt được mục tiêu, đối sánh quốc tế, điều chỉnh (có thể là mục tiêu, cách đạt mục tiêu) và dự báo nhân lực.

PISA không chỉ kiểm tra kiến thức thu được tại trường học mà còn xem xét năng lực phổ thông thực tế của học sinh. Bài khảo sát PISA không chỉ đánh giá việc tái hiện kiến thức mà còn đánh giá khả năng học sinh vận dụng kiến thức và kỹ năng từ những vấn đề đã học áp dụng vào các tình huống thực tiễn. PISA không dựa trên chương trình giáo dục của một quốc gia nào mà xây dựng trên khung đánh giá năng lực của học sinh tuổi 15 theo một thang đo riêng, học sinh phải đạt được các yêu cầu năng lực đó mới bảo đảm các em có đủ khả năng để học tiếp chương trình cao hơn hoặc bước vào cuộc sống.

Bên cạnh đó, PISA chú trọng xem xét và đánh giá một số vấn đề sau:

- Chính sách công (public policy): Chính phủ, các nhà trường, giáo viên và phụ huynh đều muốn có câu trả lời cho các câu hỏi như “Nhà trường của chúng ta đã chuẩn bị những gì cho người trẻ tuổi trước các thách thức của cuộc sống?”, “Phải chăng một số loại hình giảng dạy và học tập của những nơi này hiệu quả hơn những nơi khác?” và “Nhà trường có thể góp phần cải thiện tương lai của học sinh có gốc nhập cư hay có hoàn cảnh khó khăn không?”...

- Năng lực phổ thông (literacy): Thay vì kiểm tra việc thuộc bài theo các chương trình giáo dục cụ thể, PISA chú trọng xem xét đánh giá năng lực của học sinh trong việc ứng dụng các kiến thức và kỹ năng phổ thông cơ bản vào các tình huống thực tiễn. Ngoài ra còn xem xét đánh giá khả năng phân tích, lí giải và truyền đạt một cách có hiệu quả các kiến thức và kỹ năng đó thông qua cách học sinh xem xét, diễn giải và giải quyết các vấn đề.

- Học tập suốt đời (lifelong learning): Học sinh không thể học tất cả mọi thứ cần biết trong nhà trường. Để trở thành người có thể học tập suốt đời một cách hiệu quả, ngoài việc học những kiến thức và kỹ năng phổ thông cơ bản, các em phải có ý thức về động cơ học tập và cách học. Do vậy PISA còn tìm hiểu cả về động cơ, niềm tin vào bản thân cũng như các chiến lược học tập của học sinh.

3. Mục tiêu của PISA

Mục tiêu tổng quát của PISA là đánh giá mức độ chuẩn bị để đáp ứng các thách thức về cuộc sống sau này khi học sinh đến độ tuổi hoàn thành giai đoạn giáo dục bắt buộc.

Mục tiêu cụ thể của PISA bao gồm:

(1) Đánh giá các mức độ năng lực đạt được ở các lĩnh vực Đọc hiểu, Toán học, Khoa học của học sinh ở tuổi 15;

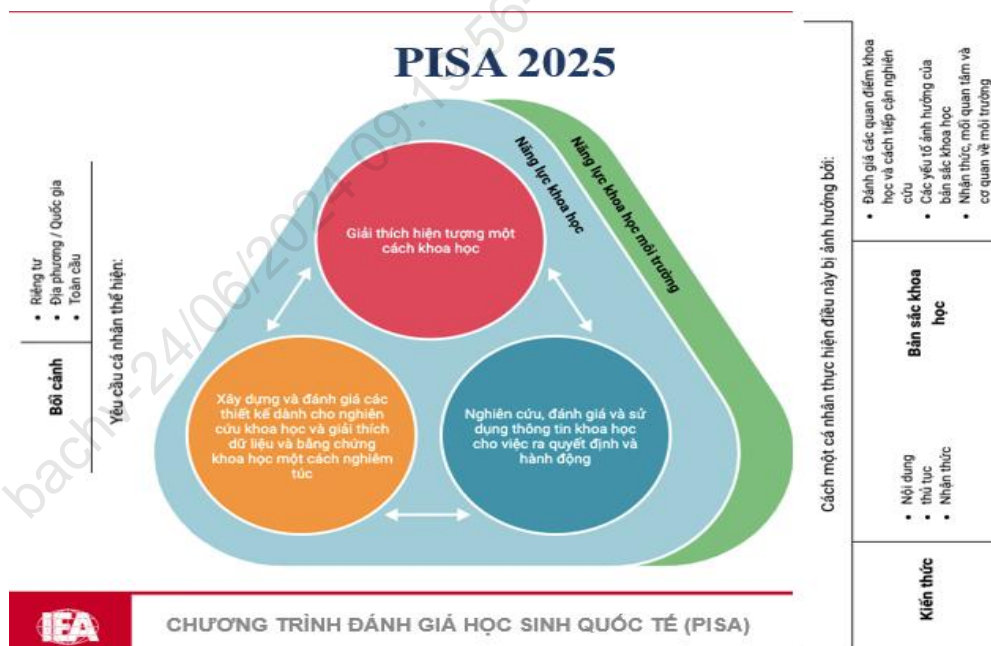
(2) Nghiên cứu ảnh hưởng của các chính sách đến kết quả học tập của học sinh;

- (3) Nghiên cứu hệ thống các điều kiện giảng dạy - học tập có ảnh hưởng đến kết quả học tập của học sinh;
- (4) So sánh kết quả giáo dục của các nước tham gia PISA;
- (5) Xây dựng hệ thống dữ liệu quốc gia và quốc tế;
- (6) Hỗ trợ các quốc gia thấy được sự phát triển giáo dục của quốc gia mình qua các chu kỳ đánh giá.

4. Những điểm mới của PISA chu kỳ 2025

Việt Nam tham gia PISA chu kỳ 2025 với **hình thức trên máy tính** ở phạm vi toàn quốc với sự chuẩn bị kỹ lưỡng, bảo đảm các mục tiêu, yêu cầu và góp phần thực hiện thành công “Đề án phát triển hệ thống đánh giá diện rộng cấp quốc gia đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và hội nhập quốc tế của giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2030” ban hành kèm theo Quyết định số 468/QĐ-BGDĐT ngày 13/02/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

Lĩnh vực trọng tâm của PISA chu kỳ 2025 là lĩnh vực Khoa học. Đánh giá PISA đo lường mức độ các quốc gia chuẩn bị cho học sinh của mình **hiểu biết về khoa học và cách khoa học tạo ra kiến thức đáng tin cậy**. Điều này đặc biệt quan trọng trong thế kỷ 21 khi nhân loại phải đối mặt với một tương lai không chắc chắn khi bước vào kỷ nguyên mà tác động của con người đang làm thay đổi đáng kể các hệ thống của Trái đất - Kiến thức về khoa học sẽ đóng vai trò quan trọng ở cấp độ cá nhân, khu vực và toàn cầu khi giải quyết những tác động này.



Ngoài ba lĩnh vực chính là Toán học, Khoa học và Đọc hiểu, PISA cũng bổ sung thêm các lĩnh vực đánh giá mới. Ví dụ như chu kỳ PISA 2006 đánh giá thêm kỹ năng giải quyết vấn đề; chu kỳ PISA 2009 đánh giá thêm năng lực tài chính; chu kỳ PISA 2012 đánh giá thêm năng lực sử dụng máy tính; chu kỳ PISA 2018 và 2022 đánh giá thêm lĩnh vực giáo dục công dân toàn cầu, chu kỳ 2025 đánh giá thêm năng lực **Học tập trong thế giới số**. Lĩnh vực Học tập trong thế giới số đo lường khả năng của học sinh khi sử dụng các công cụ kỹ thuật số trong việc tham gia vào quá trình học tập tự điều chỉnh. Lĩnh vực này được lồng ghép trong đề thi và phiếu hỏi dành cho học sinh.

Lần đầu tiên trong PISA 2025, cả ba lĩnh vực (Toán học, Khoa học, Đọc hiểu) được cung cấp dưới dạng **bài kiểm tra thích ứng nhiều giai đoạn** (MSAT). Điều này có nghĩa là nếu học sinh làm tốt các bài tập trước, hệ thống kiểm tra sẽ đưa ra các bài tập khó hơn và ngược lại.

5. Một số ví dụ bài thi lĩnh vực Toán, Khoa học và Đọc hiểu

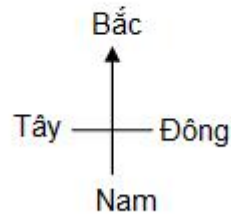
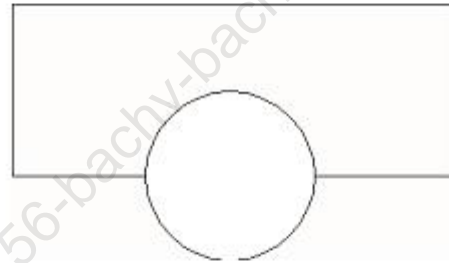
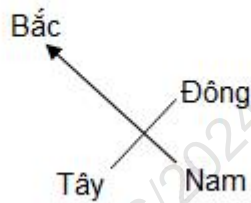
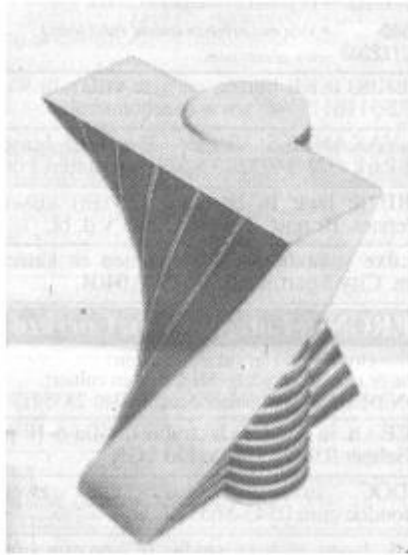
- Phụ lục 1.A: Ví dụ bài thi lĩnh vực Toán học (trang 5);
- Phụ lục 1.B: Ví dụ bài thi lĩnh vực Khoa học (trang 11);
- Phụ lục 1.C: Ví dụ bài thi lĩnh vực Đọc hiểu (trang 29).

bachv-24/06/2024 09:19:56-bachv-bachv-bachv

PHỤ LỤC 1.A: VÍ DỤ BÀI THI LĨNH VỰC TOÁN HỌC

BÀI 1: TÒA NHÀ DẠNG XOẮN

Trong kiến trúc hiện đại, những tòa nhà có rất nhiều hình dáng lạ. Dưới đây là hình ảnh mô phỏng trên máy tính của một “tòa nhà dạng xoắn” và cấu trúc tầng trệt của nó. Điểm la bàn là định hướng của tòa nhà.



Tầng trệt của tòa nhà gồm có lõi ra vào chính và các gian hàng.

Ở phía trên tầng trệt là 20 tầng căn hộ.

Cấu trúc mỗi tầng đều tương tự như cấu trúc tầng trệt, nhưng mỗi tầng có hướng hơi khác một chút so với hướng của tầng dưới nó. Phần trục là thang máy và khoảng không gian trống.

Câu hỏi 1: TÒA NHÀ DẠNG XOẮN

Ước tính chiều cao của tòa nhà theo đơn vị mét. Hãy giải thích cách làm của em.

.....

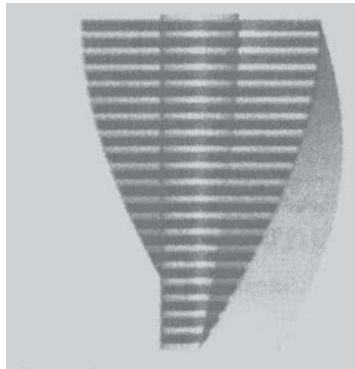
.....

.....

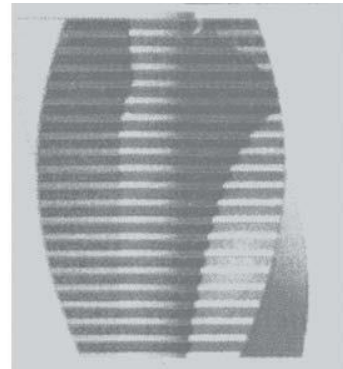
.....

Câu hỏi 2: TÒA NHÀ DẠNG XOẮN

Bức hình dưới đây cho thấy góc nhìn của tòa nhà dạng xoắn.



Góc nhìn 1



Góc nhìn 2

Góc nhìn 1 được vẽ theo hướng nào?

- A. Từ hướng Bắc.
- B. Từ hướng Tây.
- C. Từ hướng Đông.
- D. Từ hướng Nam.

Câu hỏi 3: TÒA NHÀ DẠNG XOẮN

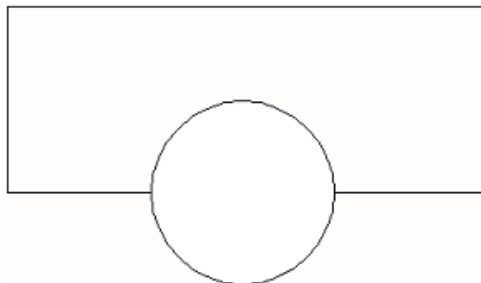
Góc nhìn 2 được vẽ theo hướng nào?

- A. Từ hướng Tây Bắc.
- B. Từ hướng Đông Bắc.
- C. Từ hướng Tây Nam.
- D. Từ hướng Đông Nam.

Câu hỏi 4: TÒA NHÀ DẠNG XOẮN

Mỗi tầng căn hộ có phần “xoắn” tương tự như tầng trệt. Tầng trên cùng (tầng thứ 20 trên tầng trệt) thì vuông góc với tầng trệt.

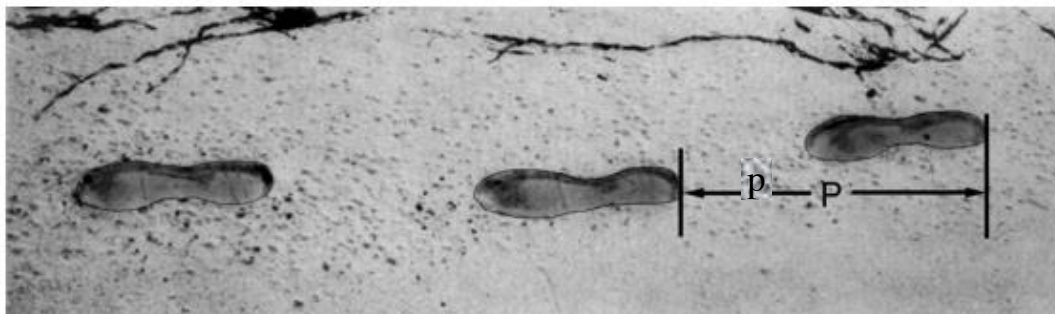
Hình dưới đây biểu diễn tầng trệt:



Trên hình vẽ này, hãy trình bày cấu trúc của tầng 10, chỉ ra tầng này nằm như thế nào so với tầng trệt.

.....

BÀI 2: ĐI BỘ



Trên đây là hình ảnh dấu chân đi bộ của một người đàn ông.

Công thức $\frac{n}{p} = 140$, cho biết mối quan hệ tương đối giữa n và p , với

n = số bước chân trong một phút.

p = khoảng cách giữa hai gót chân liên tiếp, tính bằng mét.

Câu hỏi 1: ĐI BỘ

Nếu áp dụng công thức này cho Heiko, anh ta bước được 70 bước trong một phút, thì khoảng cách giữa hai dấu gót chân của Heiko là bao nhiêu? Hãy trình bày lời giải của em.

.....
.....
.....

Câu hỏi 2: ĐI BỘ

Bernard biết khoảng cách giữa hai dấu gót chân của mình là 0,80 mét. Áp dụng công thức trên cho việc đi bộ của Bernard.

Tính vận tốc đi bộ của Bernard theo đơn vị km/giờ.

Hãy trình bày lời giải của em.

.....
.....
.....
.....

BÀI 3. NỒNG ĐỘ THUỐC

Câu hỏi 1: NỒNG ĐỘ THUỐC

Một người phụ nữ được tiêm penicillin. Cơ thể của cô từ từ phản ứng với thuốc và sau khi tiêm thuốc một giờ chỉ còn 60% lượng penicillin còn tác dụng.

Quá trình này tiếp tục: cứ cuối mỗi giờ, chỉ 60% lượng penicillin của giờ trước còn tác dụng.

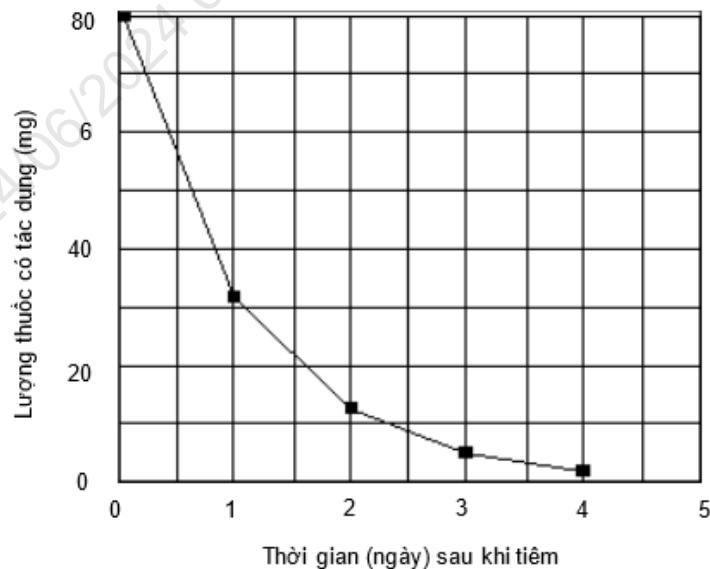
Giả sử rằng người phụ nữ đã được tiêm 300 milligam penicillin vào lúc 8 giờ sáng.

Hoàn thành bảng sau để biết lượng penicillin còn có tác dụng trong máu của người phụ nữ ở các khoảng thời gian cách nhau một giờ, từ 8 giờ đến 11 giờ.

Thời gian	08:00	09:00	10:00	11:00
Penicillin (mg)	300			

Câu hỏi 2: NỒNG ĐỘ THUỐC

Peter cần dùng 80 miligam một loại thuốc để kiểm soát được huyết áp của mình. Đồ thị dưới đây cho biết lượng thuốc ban đầu và lượng thuốc còn tác dụng trong máu của Peter sau một, hai, ba và bốn ngày.



Lượng thuốc còn tác dụng vào cuối ngày đầu tiên là bao nhiêu?

- A. 6 mg.
- B. 12 mg.
- C. 26 mg.
- D. 32 mg.

BÀI 4: VÁN TRƯỢT

Eric là một người hâm mộ môn lướt ván. Anh ấy tới một cửa hàng tên là SKATER để xem xét về giá cả.

Ở cửa hàng này, bạn có thể mua một bộ ván trượt hoàn chỉnh hoặc mua lẻ bàn trượt, một bộ 4 bánh xe, một bộ 2 trục đỡ và một bộ các phần cứng, sau đó tự mình lắp ván trượt.

Giá thành các sản phẩm của cửa hàng này như sau:

Sản phẩm	Giá theo đồng zed	
Bộ ván trượt hoàn chỉnh	82 hoặc 84	
Bàn trượt	40; 60 hoặc 65	
Một bộ bốn bánh xe	14 hoặc 36	
Một bộ 2 trục đỡ	16	
Một bộ các phần cứng (vòng bi, tấm lót cao su, bu lông và các loại ốc vặn)	10 hoặc 20	

Câu hỏi 1: VÁN TRƯỢT

Eric muốn tự lắp ráp ván trượt của mình. Giá thấp nhất và giá cao nhất của những chiếc ván trượt tự lắp khi mua từ cửa hàng này là bao nhiêu?

a) Giá thấp nhất:zed.

b) Giá cao nhất:zed.

Câu hỏi 2: VÁN TRƯỢT

Cửa hàng tư vấn về 3 bàn trượt khác nhau, hai bộ bánh xe và hai bộ phần cứng khác nhau. Nhưng chỉ có một lựa chọn duy nhất cho một bộ trục đỡ.

Eric có thể làm được bao nhiêu chiếc ván trượt?

A. 6.

B. 8.

C. 10.

D. 12.

Câu hỏi 3: VÁN TRƯỢT

Eric có 120 zed và muốn mua chiếc ván trượt giá cao nhất phù hợp với số tiền của mình.

Số tiền cho mỗi phần mà Eric có thể trả là bao nhiêu? Điền câu trả lời của em vào bảng sau.

Phần	Giá tiền (zed)
Bàn trượt	
Bánh xe	
Trục đỡ	
Phần cứng	

bachv-24/06/2024 09:19:56-bachv-bachv-bachv

PHỤ LỤC 1.B: VÍ DỤ BÀI THI LĨNH VỰC KHOA HỌC

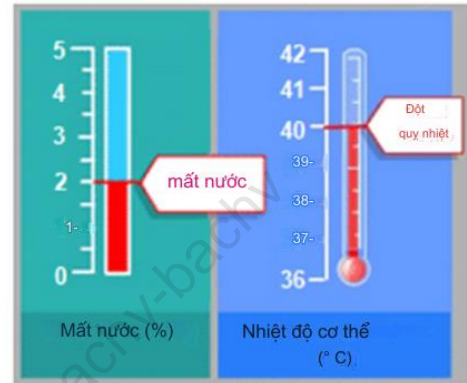
BÀI 1. CHẠY TRONG THỜI TIẾT NÓNG

GIỚI THIỆU

Khi chạy đường dài, nhiệt độ cơ thể tăng lên và người đổ mồ hôi.

Nếu người chạy bộ không uống đủ nước để thay thế lượng nước mất đi qua mồ hôi, cơ thể có thể bị mất nước. Mất nước từ 2% khối lượng cơ thể trở lên được coi là tình trạng mất nước. Tỷ lệ phần trăm này được đánh dấu trên đồng hồ đo lượng nước thất thoát dưới đây.

Nếu nhiệt độ cơ thể tăng lên từ 40°C trở lên, người chạy bộ có thể gặp phải tình trạng nguy hiểm đến tính mạng gọi là sốc nhiệt (đột quỵ do nhiệt). Nhiệt độ này được đánh dấu trên nhiệt kế dùng để đo nhiệt độ cơ thể hiển thị bên dưới.

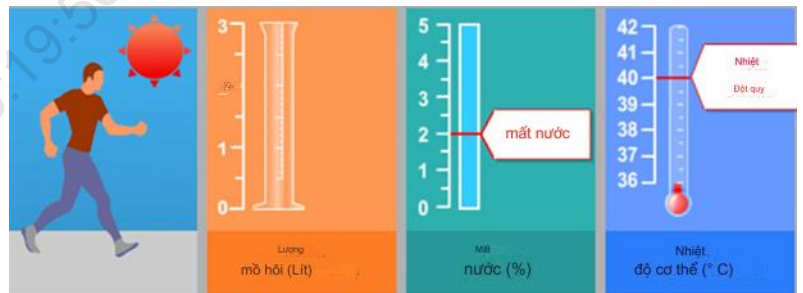


Câu hỏi 1. Mô phỏng này dựa trên mô hình tính toán lượng mồ hôi, lượng nước mất đi và nhiệt độ cơ thể của người chạy sau một giờ chạy.

Để xem tất cả các phép điều khiển trong mô phỏng này hoạt động như thế nào, hãy làm theo các bước sau:

1. Di chuyển thanh trượt Nhiệt độ không khí
2. Di chuyển thanh trượt Độ ẩm không khí
3. Nhấp vào "Có" hoặc "Không" với Nước Uống
4. Nhấp vào nút "Chạy" để xem kết quả. Lưu ý rằng mất nước từ 2% trở lên sẽ gây mất nước và nhiệt độ cơ thể từ 40°C trở lên sẽ gây ra sốc nhiệt. Kết quả cũng sẽ hiển thị trong bảng.

Lưu ý: kết quả hiển thị trong mô phỏng dựa trên mô hình toán học đơn giản về cách hoạt động của cơ thể cho một cá nhân cụ thể sau khi chạy trong một giờ ở các điều kiện khác nhau.



Nhiệt độ không khí (°C) 20 25 30 35 40

Độ ẩm không khí (%) 20 40 60

Uống nước

Yes No

Chạy

Nhiệt độ không khí (°C)	Độ ẩm không khí (%)	Uống nước	Lượng mồ hôi (Litres)	Mất nước (%)	Thân nhiệt (°C)

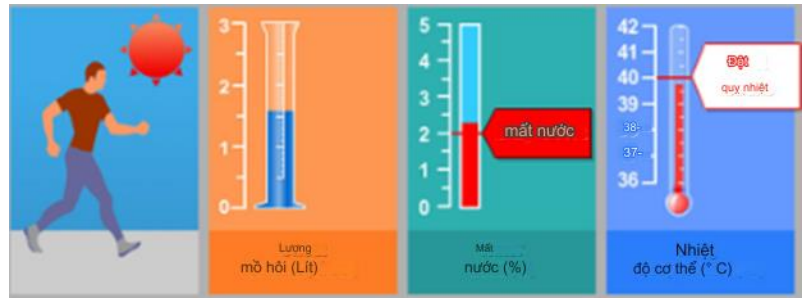
Câu hỏi 2. Chạy mô phỏng để thu thập dữ liệu dựa trên thông tin bên dưới. Chọn từ menu thả xuống để trả lời câu hỏi.

Một người chạy bộ trong một giờ vào một ngày khô nóng (nhiệt độ không khí 40°C, độ ẩm không khí 20%). Người chạy không uống nước.

Người chạy gặp nguy hiểm gì về sức khỏe khi chạy trong những điều kiện này?

Mối nguy hiểm về sức khỏe mà người chạy bộ gặp phải là

Điều này được thể hiện bởi của người chạy được chọn sau một giờ chạy.



Nhiệt độ không khí (°C)



Độ ẩm không khí (%)



Ồ Văng KHÔNG

Chạy

Uống nước

Nhiệt độ không khí (°C)	Độ ẩm không khí (%)	Uống nước	Lượng mồ hôi (Litres)	Mất nước (%)	Thân nhiệt (°C)
40	20	KHÔNG	1.6	2.3	39.8

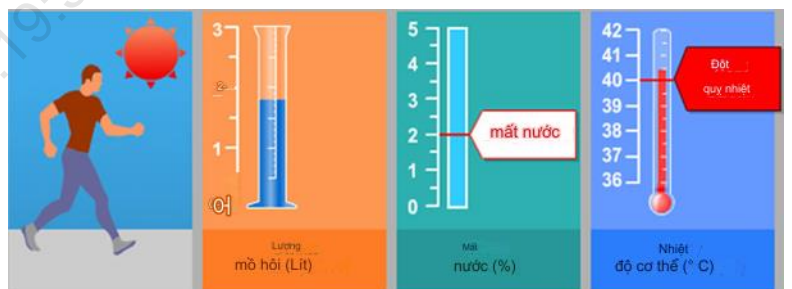
Câu hỏi 3. Chạy mô phỏng để thu thập dữ liệu dựa trên thông tin bên dưới. Bấm vào một lựa chọn rồi chọn dữ liệu trong bảng để trả lời câu hỏi.

Một người chạy bộ trong một giờ vào một ngày nóng ẩm (nhiệt độ không khí 35°C, độ ẩm không khí 60%) mà không uống nước. Á hậu này có nguy cơ bị mất nước và say nắng.

Tác động của việc uống nước trong quá trình chạy đối với nguy cơ mất nước và sốc nhiệt của vận động viên chạy bộ là gì?

- Uống nước sẽ giảm nguy cơ sốc nhiệt nhưng không làm giảm tình trạng mất nước.
- Uống nước sẽ giảm nguy cơ mất nước nhưng không giảm nguy cơ sốc nhiệt.
- Uống nước sẽ làm giảm nguy cơ sốc nhiệt và mất nước.
- Uống nước sẽ không làm giảm nguy cơ sốc nhiệt hoặc mất nước.

Chọn hai hàng dữ liệu trong bảng để lý giải câu trả lời của bạn.



Nhiệt độ không khí (°C)



Độ ẩm không khí (%)



Đúng KHÔNG

Chạy

Uống nước

Nhiệt độ không khí (°C)	Độ ẩm không khí (%)	Uống nước	Lượng mồ hôi (Lit)	Mất nước (%)	Thân nhiệt (°C)
35	60	KHÔNG	1,8	2,5	40,5
35	60	Đúng	1,8	0,0	40,5

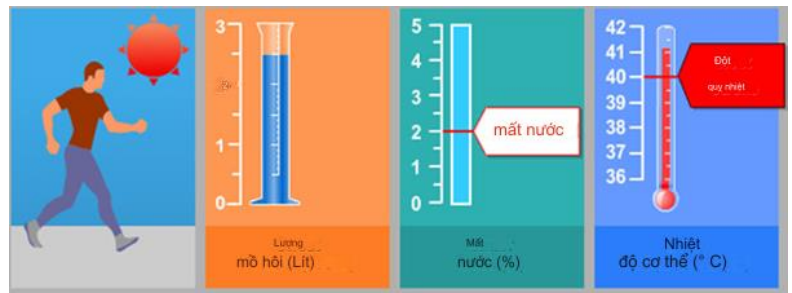
Câu hỏi 4. Chạy mô phỏng để thu thập dữ liệu dựa trên thông tin bên dưới. Bấm vào một lựa chọn, chọn dữ liệu trong bảng, sau đó nhập lời giải thích để trả lời câu hỏi.

Khi độ ẩm không khí là 60%, tác động của việc tăng nhiệt độ không khí lên lượng mồ hôi sau một giờ chạy là gì?

- o Lượng mồ hôi tăng lên
- o Lượng mồ hôi giảm

Chọn hai hàng dữ liệu trong bảng để giải câu trả lời của bạn.

Nguyên nhân sinh học của hiệu ứng này là gì?



Nhiệt độ không khí (oC) 20 25 30 35 40
 Độ ẩm không khí (%) 20 40 60 80 100 **Chạy**
 Uống nước Đúng KHÔNG

Nhiệt độ không khí (°C)	Độ ẩm không khí (%)	Uống nước	Lượng mồ hôi (Lit)	Mất nước (%)	Thân nhiệt (°C)
20	60	Đúng	0,8	0,0	38,9
25	60	Đúng	1,1	0,0	39,1
30	60	Đúng	1,4	0,0	39,6
35	60	Đúng	1,8	0,0	40,5
40	60	Đúng	2,5	0,0	41,2

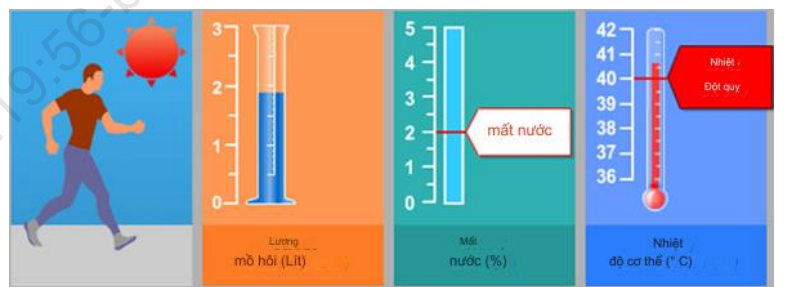
Câu hỏi 5. Chạy mô phỏng để thu thập dữ liệu dựa trên thông tin bên dưới. Bấm vào một lựa chọn, chọn dữ liệu trong bảng, sau đó nhập lời giải thích để trả lời câu hỏi.

Dựa trên mô phỏng, khi độ ẩm không khí là 40%, nhiệt độ không khí cao nhất mà một người có thể chạy trong một giờ mà không bị say nắng là bao nhiêu??

- o 20°C
- o 25°C
- o 30°C
- o 35°C
- o 40°C

Chọn hai hàng dữ liệu trong bảng để lý giải câu trả lời của bạn.

Giải thích dữ liệu này lý giải câu trả lời của bạn thế nào.



Nhiệt độ không khí (oC) 20 25 30 35 40
 Độ ẩm không khí (%) 20 40 60 80 100 **Run**
 Uống nước Đúng KHÔNG

Nhiệt độ không khí (°C)	Độ ẩm không khí (%)	Uống nước	Lượng mồ hôi (Lit)	Mất nước (%)	Thân nhiệt (°C)
20	40	Đúng	0.8	0.0	38.8
25	40	Đúng	1.0	0.0	39.0
30	40	Đúng	1.2	0.0	39.3
35	40	Đúng	1.5	0.0	39.8
40	40	Đúng	2.9	0.0	40.7

Câu hỏi 6. Chạy mô phỏng để thu thập dữ liệu dựa trên thông tin bên dưới. Bấm vào một lựa chọn, chọn dữ liệu trong bảng, sau đó nhập lời giải thích để trả lời câu hỏi.

Mô phỏng cho phép bạn chọn 20%, 40% hoặc 60% cho độ ẩm không khí.

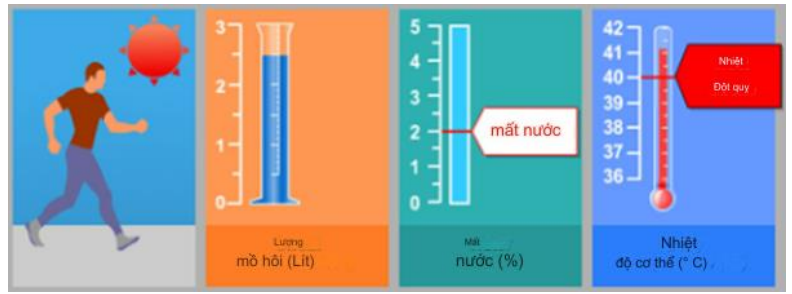
Bạn cho rằng sẽ an toàn hay không an toàn khi chạy trong một giờ, có uống nước, với độ ẩm không khí là 50% và nhiệt độ không khí là 40°C?

o An toàn

o Không an toàn

Chọn hai hàng dữ liệu trong bảng để lý giải câu trả lời của bạn.

Giải thích cách dữ liệu này lý giải câu trả lời của bạn.



Nhiệt độ không khí (°C)

20 25 30 35 40

Độ ẩm không khí (%)

20 40 60

Chạy

Uống nước

Có Không

Nhiệt độ không khí (°C)	Độ ẩm không khí (%)	Uống nước	Lượng mồ hôi (Lit)	Mất nước (%)	Thân nhiệt (°C)
40	20	Đúng	1,6	0,0	39,8
40	40	Đúng	1,9	0,0	40,7
40	60	Đúng	2,5	0,0	41,2



bachv-24/06/2024 09:19:56-bachv-bachv-hoc

BÀI 2. TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA VIỆC ĂN THỊT

Phải mất 326 mét vuông để sản xuất một kg thịt bò, 12 mét vuông để sản xuất một kg thịt gia cầm, 2,8 mét vuông để sản xuất gạo và gần 1 mét vuông để trồng các loại rau.

Câu hỏi 1. Loại thực phẩm chính được cung cấp bằng cách ăn thịt là gì?

Câu hỏi 2. Kể tên một loại thực phẩm không phải thịt cũng có thể cung cấp thực phẩm tương tự thịt.

Câu hỏi 3. Thịt bò có nguồn gốc từ bò. Chăn nuôi bò để lấy thịt được coi là mối đe dọa đối với môi trường. Đánh dấu vào những lý do có thể biện minh cho lập luận này:

- o Cần nhiều thời gian để bò sinh trưởng.
- o Bò tạo ra khí mê-tan là một loại khí nhà kính.
- o Bò chiếm quá nhiều đất so với lượng thức ăn chúng sản xuất ra.
- o Bò là con vật linh thiêng ở một số xã hội.
- o Da bò có ích cho ngành công nghiệp thuộc da.

Theo truyền thống, con người vốn là loài ăn tạp, tiêu thụ cả thịt và thực phẩm như ngũ cốc, các loại đậu, trái cây. Thịt, được coi như một phần của chế độ ăn kiêng, có thể cung cấp protein, chất béo và các nguyên tố vi lượng, v.v. Mặt khác, một chế độ ăn chay hợp lý cũng có thể cung cấp tất cả những thực phẩm này.

Khi dân số thế giới tăng lên, áp lực phá rừng để nuôi sống mọi người ngày càng trở nên căng thẳng. Do đó lập luận rằng chúng ta nên ăn ít thịt đã được đưa ra một cách mạnh mẽ.

Câu hỏi 4. Tuyên bố nào sau đây liên quan đến 'chúng ta có nên ăn thịt không?' có thể được chứng minh bằng cách sử dụng bằng chứng khoa học (S) và dựa trên các loại hiểu biết hoặc giá trị khác (O)?

- S O Răng của chúng ta được thiết kế để ăn thịt.
- S O Nhiều nghi lễ của chúng ta liên quan đến việc ăn thịt và cần được duy trì.
- S O Chế độ ăn chay của con người có thể cung cấp tất cả thực phẩm chúng ta cần.
- S O Thịt ngon quá chúng ta không nên bỏ nó.
- S O Đơn giản là không có đủ đất để duy trì mức sản xuất thịt hiện tại.
- S O Sản xuất lương thực - đặc biệt là sản xuất thịt - là nguyên nhân chính gây ra biến đổi khí hậu, ví dụ như thông qua việc bò sản xuất khí mê-tan.
- S O Thịt đắt hơn nhiều so với rau.
- S O Bữa ăn thịt giúp bạn no lâu hơn và tác dụng của nó kéo dài hơn.
- S O Sản xuất thịt đòi hỏi phải sử dụng rộng rãi phân bón. Việc lạm dụng phân bón gây ô nhiễm đất.
- S O Ngành sản xuất thịt đôi khi sử dụng hormone và thuốc để làm cho động vật phát triển nhanh chóng và giúp cho chúng khỏe mạnh trong không gian chật hẹp. Điều này đã dẫn tới việc thịt có thể gây ảnh hưởng tiêu cực tới sức khỏe con người.

BÀI 3. HÚT THUỐC

Câu hỏi 1. John và Rose đang nghiên cứu việc hút thuốc lá trong một dự án ở trường.

Đọc nghiên cứu của John ở bên phải. Sau đó trả lời câu hỏi bên dưới.

Chọn hai lý do từ các phát biểu dưới đây cho thấy tại sao các công ty thuốc lá có thể khẳng định rằng không có bằng chứng nào cho thấy nhựa thuốc lá từ khói thuốc lá gây ra bệnh ung thư ở người.

- Con người miễn dịch với nhựa thuốc lá.
- Thí nghiệm được thực hiện trên chuột.
- Hóa chất từ việc hút thuốc làm giảm tác dụng của hắc ín.
- Con người có thể phản ứng khác với chuột.
- Thuốc lá có đầu lọc loại bỏ hết nhựa thuốc lá khỏi khói.

Câu hỏi 2. Rose tìm được một biểu đồ khi thực hiện nghiên cứu về việc hút thuốc.

Hãy tham khảo nghiên cứu của Rose ở bên phải. Sau đó chọn câu trả lời đúng nhất cho câu hỏi bên dưới.

Câu nào mô tả đúng nhất dữ liệu được hiển thị trong biểu đồ?

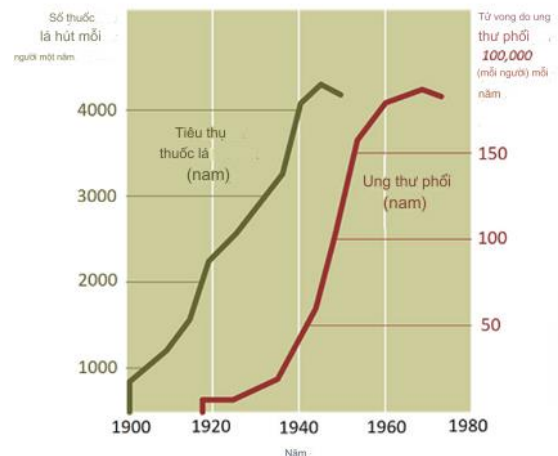
- Biểu đồ cho thấy tất cả nam giới hút thuốc lá đều bị ung thư phổi.
- Biểu đồ cho thấy nhiều nam giới hút thuốc lá vào những năm 1940 hơn so với năm 2010.
- Không có mối liên hệ giữa hút thuốc lá và tử vong do ung thư phổi.
- Có mối liên hệ thuận chiều giữa hút thuốc lá và tử vong do ung thư phổi.

nghiên cứu của John.

Vào những năm 1950, các nghiên cứu đã phát hiện ra nhựa thuốc lá (hắc ín) từ khói thuốc lá gây ung thư ở chuột.

Các công ty thuốc lá tuyên bố không có bằng chứng nào cho thấy hút thuốc gây ung thư ở người. Họ cũng bắt đầu sản xuất thuốc lá đầu lọc.

nghiên cứu của Rose.



Sự nguy hiểm của việc hút thuốc.

Câu hỏi 3. Hút thuốc được cho là nguy hiểm nhưng làm sao chúng ta biết được? Đánh dấu vào các ô bên dưới có thể được dùng làm bằng chứng khoa học cho thấy hút thuốc là nguy hiểm.

- Bạn thân hoặc người thân của bạn hút thuốc đã lâu và bị bệnh.
- Thống kê cho thấy trung bình những người hút thuốc chết ở độ tuổi trẻ hơn những người không hút thuốc.
- Có chiến dịch chống hút thuốc.
- Báo chí có những câu chuyện về những người bị bệnh do hút thuốc.
- Những người hút thuốc được chứng minh là thường xuyên bị ốm và nghỉ làm hơn những người không hút thuốc.
- Hút thuốc sẽ bị cấm trong các nhà hàng và quán cà phê.
- Thống kê cho thấy người có trình độ học vấn cao hơn có xu hướng hút thuốc ít hơn.

BÀI 4. THIÊN THẠCH VÀ MIỆNG NÚI LỬA

Đá trong không gian đi vào bầu khí quyển Trái đất được gọi là thiên thạch. Các thiên thạch nóng lên và phát sáng khi chúng rơi vào bầu khí quyển Trái đất. Hầu hết các thiên thạch đều bốc cháy trước khi chạm vào bề mặt Trái đất. Khi thiên thạch va vào Trái đất, nó có thể tạo ra một lỗ gọi là miệng núi lửa.



Câu hỏi 1. Tham khảo "Thiên thạch và miệng núi lửa" ở bên phải. Bấm vào một lựa chọn để trả lời câu hỏi.

Khi một thiên thạch tiếp cận Trái đất và bầu khí quyển của nó, nó sẽ tăng tốc. Lý do tại sao điều này xảy ra?

- Thiên thạch bị hút vào do chuyển động quay của Trái đất.
- Thiên thạch bị đẩy đi bởi ánh sáng của Mặt trời.
- Thiên thạch bị hút bởi khối lượng Trái đất.
- Thiên thạch bị đẩy lùi bởi chân không vũ trụ.

Câu hỏi 2. Tham khảo "Thiên thạch và miệng núi lửa" ở bên phải. Chọn từ menu thả xuống để trả lời câu hỏi.

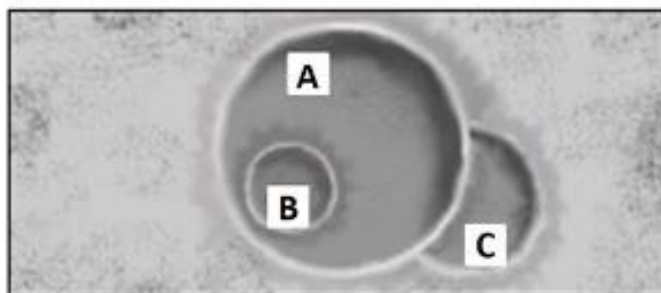
Ảnh hưởng của bầu khí quyển của một hành tinh đến số lượng miệng núi lửa trên bề mặt hành tinh là gì?

Bầu khí quyển của hành tinh càng dày thì bề mặt của nó sẽ có các miệng núi lửa bởi vì thiên thạch sẽ bốc cháy chọn lọc trong bầu khí quyển.

Câu hỏi 3. Tham khảo "Thiên thạch và miệng núi lửa" ở bên phải.

Sử dụng kéo và thả để trả lời các câu hỏi dưới đây.

Hãy xem xét ba miệng núi lửa sau đây:



Xếp các miệng núi lửa theo thứ tự kích thước của các thiên thạch đã tạo ra chúng, từ lớn nhất đến nhỏ nhất:

	lớn nhất	→	Nhỏ nhất	
A	B	C		

Sắp xếp các miệng hố theo thứ tự thời điểm chúng được hình thành, từ cũ nhất đến mới nhất:

	lớn nhất	→	Nhỏ nhất	
A	B	C		

BÀI 5. NGHIÊN CỨU UNG THƯ

Các nhà khoa học đã nhân giống một con chuột biến đổi gen, một con chuột 'oncomouse', được thiết kế để dễ bị ung thư và nhằm giúp các nhà khoa học hiểu về bệnh ung thư. Dưới đây là hai tuyên bố đối lập mà bạn cần điều tra. Kéo và thả các phát biểu bằng chứng vào ba hộp để chỉ ra rằng bạn tin được mỗi phát biểu hỗ trợ cho một trong các phát biểu đó hay không liên quan.

Phát biểu 1: Oncomouse là động vật biến đổi gen đã được phát minh. Nó phải được cấp bằng sáng chế với phần thưởng tài chính xứng đáng được cấp cho người phát minh ra nó.

Phát biểu 2: Oncomouse thuộc về toàn thể nhân loại và khoa học. Nó không thể được cấp bằng sáng chế cho các cá nhân cụ thể.

Phát biểu bằng chứng:

Mọi thứ đều có giá	Bằng sáng chế dành cho thương mại, không dành cho khoa học	Khoa học thuộc về toàn nhân loại và giúp chữa bệnh	
Chính phủ nên có chính sách để kiểm soát những gì các nhà khoa học làm	Nhu cầu điều trị ung thư rất lớn	Phát minh là cái gì đó không xảy ra một cách tự nhiên	Muốn chữa bệnh ung thư thì phải trả tiền

Bảng chứng hỗ trợ phát biểu 1	Bảng chứng hỗ trợ phát biểu 2	Bảng chứng không liên quan

BÀI 6. NHÀ KÍNH

Hãy đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi.

HIỆU ỨNG NHÀ KÍNH: HIỆN THỰC HAY HƯ CẤU?

Các sinh vật sống cần năng lượng để tồn tại. Năng lượng giúp duy trì sự sống trên Trái đất đến từ Mặt trời, Mặt trời bức xạ năng lượng vào không gian vì nó rất nóng. Chỉ một phần nhỏ năng lượng này đến được Trái đất.

Bầu khí quyển của Trái đất hoạt động như một tấm chắn bảo vệ trên bề mặt hành tinh của chúng ta, ngăn chặn các biến thể từ nhiệt độ cao tồn tại trong chân không.

Hầu hết năng lượng bức xạ từ Mặt trời đi qua bầu khí quyển của Trái đất. Trái đất hấp thụ một phần năng lượng đó và một phần bị phản xạ ngược lại từ bề mặt Trái đất. Một phần năng lượng phản xạ ngược lại này sẽ được bầu khí quyển hấp thụ.

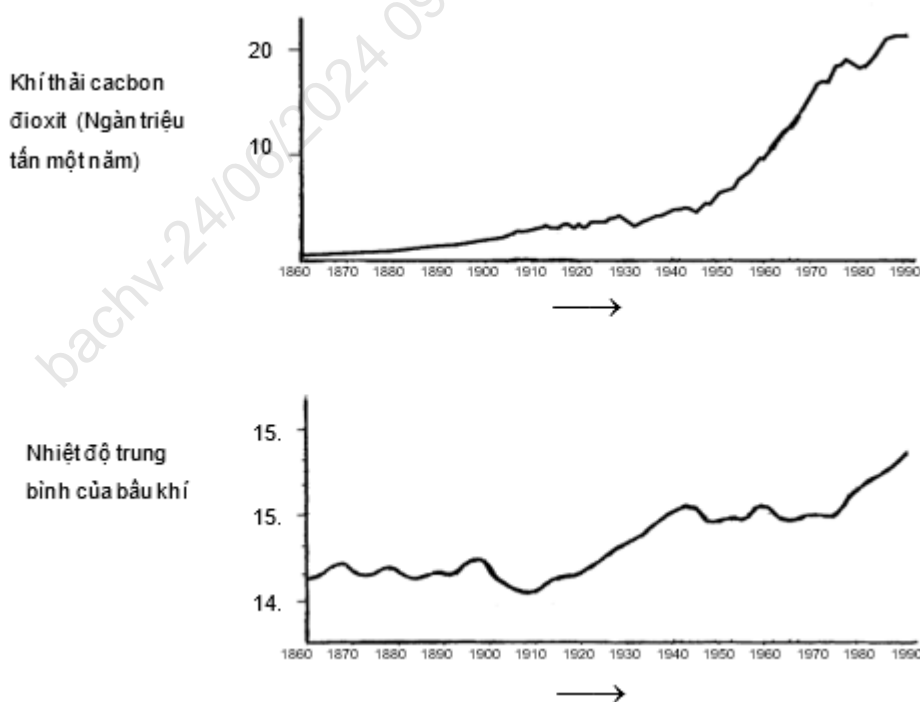
Kết quả của hiện tượng này là nhiệt độ trung bình trên bề mặt Trái đất cao hơn so với khi không có bầu khí quyển. Bầu khí quyển của Trái đất có hiệu ứng tương tự như nhà kính, vì thế xuất hiện thuật ngữ *hiệu ứng nhà kính*.

Hiệu ứng nhà kính ngày càng trở nên rõ rệt hơn vào thế kỉ XX.

Thực tế là nhiệt độ trung bình của bầu khí quyển Trái đất đang ngày một tăng lên. Trong các bài báo và tạp chí, lượng khí thải cacbon đioxit vẫn được coi là lí do chính gây ra hiện tượng tăng nhiệt độ trong thế kỉ XX.

Một học sinh tên là André tỏ ra thích thú với mối liên hệ có thể có giữa nhiệt độ trung bình của bầu khí quyển với khí thải cacbon đioxit trên Trái đất.

Bạn ấy đã theo dõi hai đồ thị sau trong thư viện.



Từ hai đồ thị này, André rút ra kết luận rằng, sự gia tăng nhiệt độ trung bình của bầu khí quyển Trái đất chắc chắn là do sự gia tăng của lượng khí thải cacbon đioxit.

Câu hỏi 1: NHÀ KÍNH

Điều gì có trong đồ thị dẫn tới kết luận của André?

.....
.....
Câu hỏi 2: NHÀ KÍNH

Một học sinh khác tên là Jeanne không đồng ý với kết luận của André. Bạn ấy so sánh hai đồ thị và nói rằng có một vài đoạn đồ thị không đồng nhất với kết luận của André.

Nêu một dẫn chứng về phần đồ thị không đồng nhất với kết luận của André. Hãy giải thích câu trả lời của em.

.....
.....
.....
Câu hỏi 3: NHÀ KÍNH

André bảo vệ kết luận của mình rằng nhiệt độ trung bình của bầu khí quyển Trái đất tăng lên do sự gia tăng của khí thải cacbon đioxit. Nhưng Jeanne cho rằng, kết luận đó là quá sớm. Bạn ấy nói: “Trước khi chấp nhận kết luận này, bạn phải chắc chắn rằng các yếu tố khác có thể ảnh hưởng tới hiệu ứng nhà kính là đại lượng không đổi”.

Em hãy nêu tên một trong các yếu tố mà Jeanne muốn nhắc tới.

.....
.....
.....
.....

BÀI 7. NHÂN BẢN VÔ TÍNH

Em hãy đọc bài báo và trả lời các câu hỏi sau đây.

Một cỗ máy nhân bản cho những sinh vật sống?

Nếu có một cuộc bình chọn dành cho động vật của năm 1997, chắc chắn Dolly sẽ chiến thắng! Dưới đây là một bức ảnh của Dolly, chú thuộc giống cừu Scốt-len. Nhưng Dolly không chỉ là một chú cừu bình thường. Chú được nhân bản vô tính từ một con cừu khác. Nhân bản vô tính có nghĩa là: một bản sao, tức là sao chép "từ một bản sao gốc duy nhất". Các nhà khoa học đã thực hiện thành công việc tạo ra một con cừu (Dolly) giống y hệt với một con cừu khác, có chức năng như một "bản sao gốc".

Người đã tạo ra "cỗ máy nhân bản" cho chú cừu là nhà khoa học người Scốt-len: Ian Wilmut. Ông đã lấy một phần rất nhỏ từ phần vú của một con cừu trưởng thành (con cừu 1).

Ông lấy ra nhân từ phần nhỏ đó. Sau đó cấy nhân này vào tế bào trứng của một con cừu (cái) khác (con cừu 2). Nhưng trước tiên, ông loại ra khỏi tế bào trứng tất cả những yếu tố làm cho con cừu non được sinh ra từ tế bào trứng mang các đặc tính của con cừu 2. Ian Wilmut cấy ghép những tế bào trứng đã được thay đổi của con cừu 2 vào con cừu (cái) khác (con cừu 3). Con cừu 3 đã mang thai và có một chú cừu non: Dolly.

Một số nhà bác học cho rằng trong vòng một vài năm tới cũng có thể tiến hành nhân bản vô tính đối với con người. Nhưng có rất nhiều chính phủ đã ban hành luật cấm việc nhân bản vô tính người.



Câu hỏi 1: NHÂN BẢN VÔ TÍNH

Dolly giống hệt con cừu nào?

- A. Con cừu 1.
- B. Con cừu 2.
- C. Con cừu 3.
- D. Cha của Dolly.

Câu hỏi 2: NHÂN BẢN VÔ TÍNH

Trong dòng 17, phần vú sử dụng được mô tả là "một phần rất nhỏ". Từ đoạn trích của bài báo, hãy chỉ ra "một phần rất nhỏ" là gì?.

"Phần rất nhỏ" là:

- A. một tế bào.
- B. một gen.
- C. một nhân tế bào.
- D. một nhiễm sắc thể.

Câu hỏi 3: NHÂN BẢN VÔ TÍNH

Trong câu cuối, bài báo nói rằng có rất nhiều chính phủ đã quyết định ban hành luật cấm nhân bản vô tính đối với con người.

Bảng sau đề cập tới hai lí do có thể đưa ra để giải thích cho quyết định đó.

Những lí do đó có mang tính khoa học hay không?

Khoanh tròn "Có" hoặc "Không" ứng với mỗi lí do.

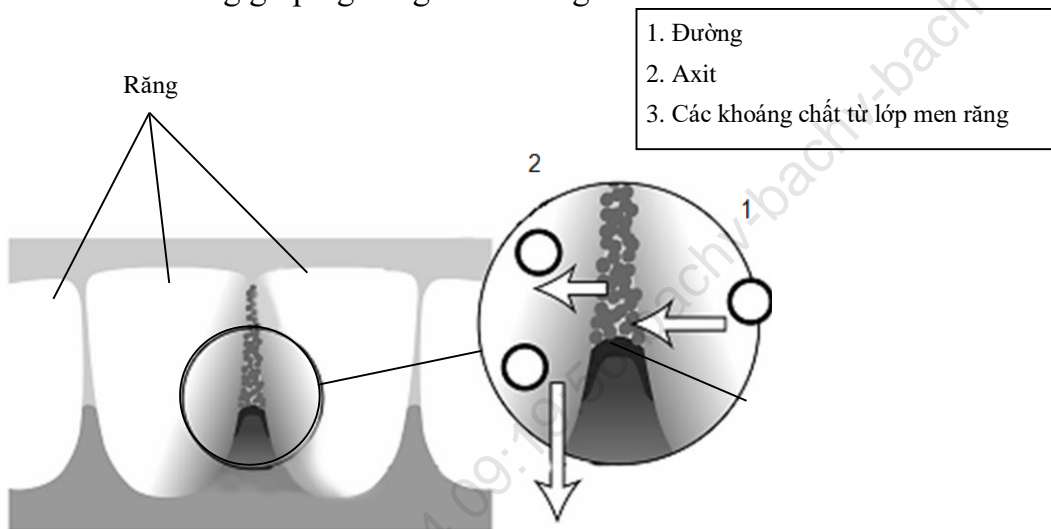
Lí do	Lí do này có mang tính khoa học hay không?
Người nhân bản có thể sẽ nhạy cảm với các căn bệnh thông thường hơn so với người bình thường.	Có / Không
Con người không nên tìm cách đi trái với tạo hoá.	Có / Không

BÀI 8. SÂU RĂNG

Vi khuẩn sống trong miệng chúng ta gây ra bệnh sâu răng. Sâu răng là một bệnh nan y kể từ những năm 1700 khi đường ăn xuất hiện từ ngành công nghiệp mía đường ngày càng phát triển.

Ngày nay, chúng ta biết nhiều về bệnh sâu răng. Ví dụ:

- Vi khuẩn gây sâu răng sống được nhờ đường.
- Đường chuyển hóa thành axit.
- Axit phá hủy bề mặt răng.
- Đánh răng giúp ngăn ngừa sâu răng.



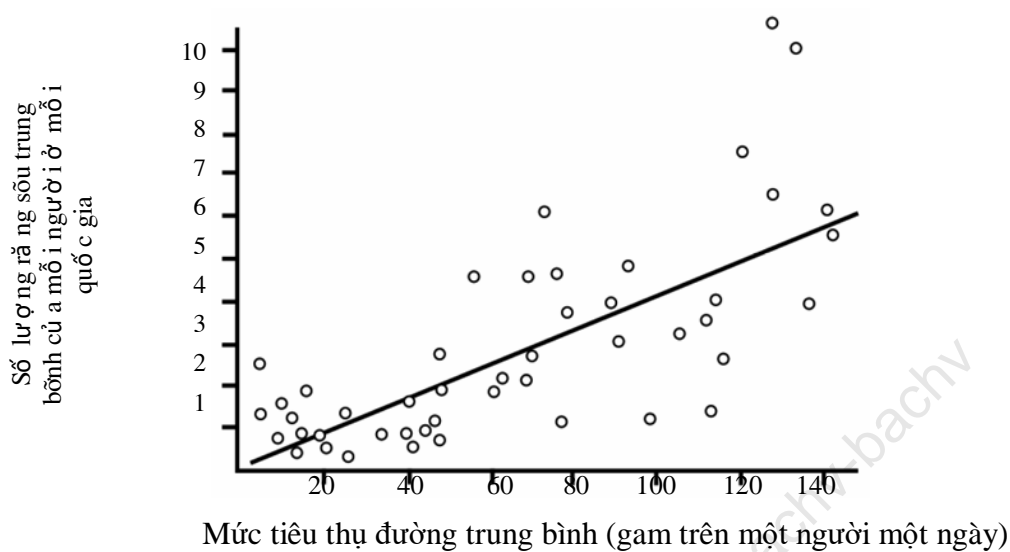
Câu hỏi 1: SÂU RĂNG

Vai trò của vi khuẩn trong bệnh sâu răng là gì?

- A. Vi khuẩn tạo ra men răng.
- B. Vi khuẩn tạo ra đường.
- C. Vi khuẩn tạo ra các khoáng chất.
- D. Vi khuẩn tạo ra axit.

Câu hỏi 2: SÂU RĂNG

Đồ thị sau cho thấy lượng tiêu thụ đường và số lượng răng sâu trung bình ở các quốc gia khác nhau. Mỗi quốc gia được biểu diễn bằng một chấm tròn trên đồ thị.



Trong số các phát biểu sau, phát biểu nào được suy ra từ dữ liệu đã cho trên đồ thị?

- A. Ở một số quốc gia, người dân đánh răng thường xuyên hơn so với các quốc gia khác.
- B. Người dân ăn đường càng nhiều, thì càng dễ bị sâu răng.
- C. Thời gian gần đây, tỉ lệ sâu răng ở nhiều nước đang tăng lên.
- D. Thời gian gần đây, mức độ tiêu thụ đường ở nhiều nước đang tăng lên.

Câu hỏi 3: SÂU RĂNG

Một quốc gia có số lượng răng sâu trên đầu người ở mức cao.

Liệu rằng những câu hỏi sau đây liên quan đến bệnh sâu răng tại quốc gia đó có thể được trả lời bằng các thí nghiệm khoa học hay không? Khoanh tròn “Có” hoặc “Không” ứng với mỗi câu hỏi.

Câu hỏi liên quan đến sâu răng này có thể được trả lời bởi các thí nghiệm khoa học hay không ?	Có hoặc Không?
Tác động nào lên bệnh sâu răng khi cho flo vào nguồn nước?	Có / Không
Chi phí cho một lần đi gặp bác sĩ nha khoa là bao nhiêu?	Có / Không

BÀI 9. SIÊU ÂM

Ở nhiều quốc gia, những hình ảnh của thai nhi (đứa bé đang phát triển trong bụng mẹ) có thể được chụp nhờ sóng siêu âm (công nghệ chẩn đoán bằng siêu âm). Sóng siêu âm được xem là an toàn cho cả mẹ và thai nhi.



Bác sĩ cầm một đầu dò và di chuyển đầu dò này trên bụng người mẹ. Sóng siêu âm được truyền vào trong bụng. Bên trong bụng, các sóng này phản xạ lại từ bề mặt của thai nhi. Các sóng phản xạ này được đầu dò bắt lại và chuyển tiếp tới một cái máy có thể tạo ra hình ảnh.

Câu hỏi 1: SIÊU ÂM

Để tạo được một ảnh, máy siêu âm cần phải tính toán **khoảng cách** giữa thai nhi và đầu dò.

Các sóng siêu âm đi vào trong bụng với vận tốc 1540 mét/giây. Phép đo nào máy siêu âm phải thực hiện để có thể tính toán được khoảng cách này?

.....
.....
.....

Câu hỏi 2: SIÊU ÂM

Ảnh của thai nhi cũng có thể nhận được nhờ tia X. Tuy nhiên, phụ nữ được khuyên tránh để tia X chiếu vào bụng trong thời gian mang thai.

Vì sao phụ nữ nên tránh tia X chiếu vào bụng **chỉriêng** trong thời gian mang thai?

.....
.....
.....

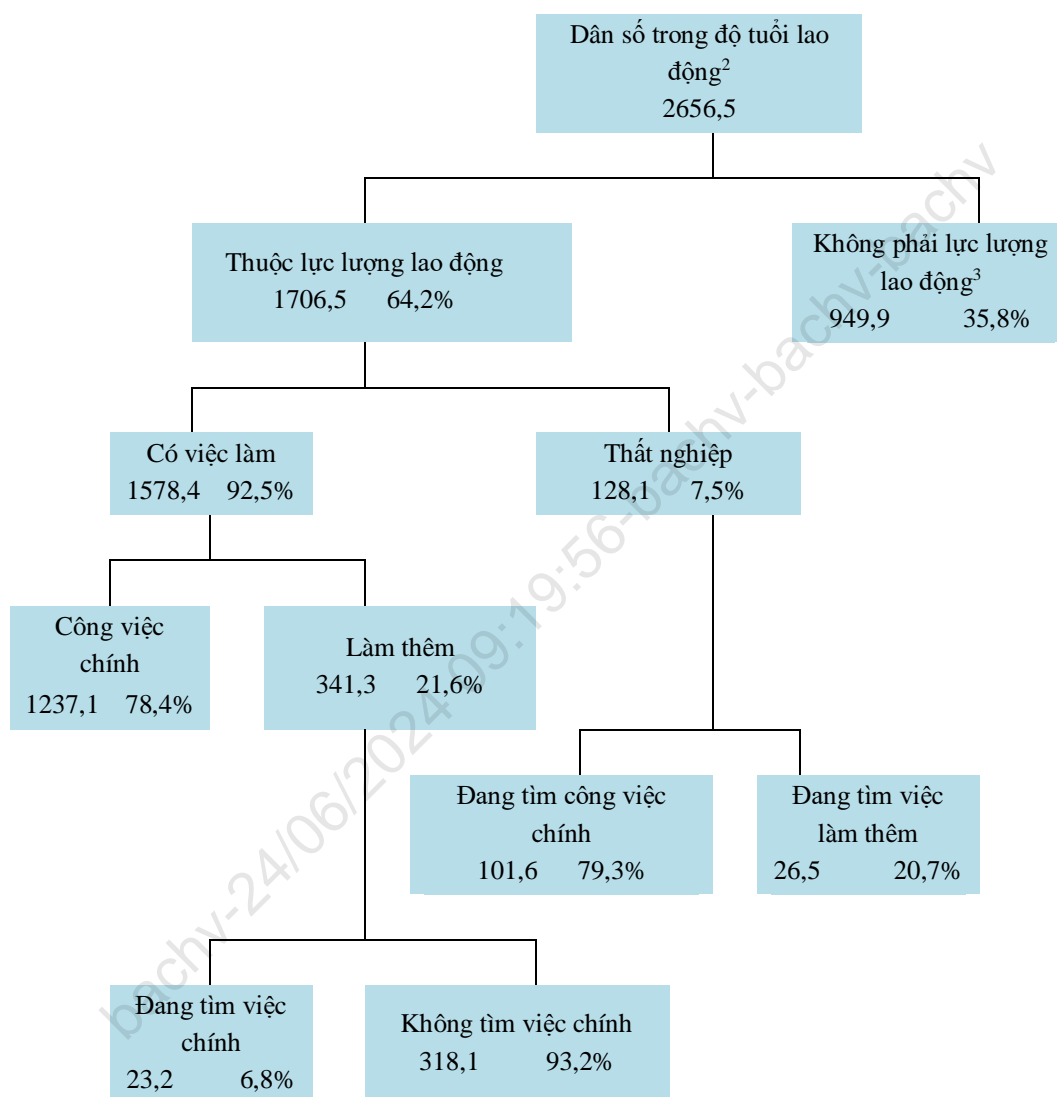
PHỤ LỤC 1.C: VÍ DỤ BÀI THI LĨNH VỰC ĐỌC HIỂU

BÀI 1. LAO ĐỘNG

Biểu đồ cây dưới đây mô tả cơ cấu lực lượng lao động của một quốc gia hay còn gọi là “dân số trong độ tuổi lao động”.

Tổng dân số năm 1995 của quốc gia này là 3,4 triệu người.

Cơ cấu lực lượng lao động năm tính đến ngày 31 tháng 3 năm 1995 (000s)¹



1. Số lượng người tính theo đơn vị nghìn người (000s).

2. Dân số trong độ tuổi lao động bao gồm những người trong độ tuổi từ 15 đến 65.

3. Những người “không thuộc lực lượng lao động” là các đối tượng không chủ động tìm việc và/hoặc không có khả năng đi làm.

Nguồn: D. Miller, Form 6 Economics, ESA Publications, Box 9453, Newmarket, Auckland, New Zealand, tr. 64

Câu hỏi 1: LAO ĐỘNG

Hãy cho biết dân số trong độ tuổi lao động được chia thành hai nhóm chính nào?

- A. Đi làm và thất nghiệp.
- B. Trong độ tuổi lao động và ngoài độ tuổi lao động.
- C. Lao động làm công việc chính và lao động làm thêm.
- D. Thuộc lực lượng lao động và ngoài lực lượng lao động

Câu hỏi 2: LAO ĐỘNG

Có bao nhiêu người trong độ tuổi lao động không thuộc lực lượng lao động? (Liệt kê số lượng người, không liệt kê tỉ lệ).

.....

.....

Câu hỏi 3: LAO ĐỘNG

Dựa vào biểu đồ cây nêu trên, xác định những người dưới đây có thuộc biểu đồ không?

Đánh dấu câu trả lời vào ô vuông trong bảng.

Dòng đầu tiên là ví dụ.

Đối tượng lao động \ Nhóm	Thuộc lực lượng lao động: đi làm	Thuộc lực lượng lao động: thất nghiệp	Ngoài lực lượng lao động	Không thuộc nhóm nào
Nhân viên 35 tuổi, đi làm thêm	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nữ doanh nhân làm việc 60 tiếng/tuần, 43 tuổi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Sinh viên đi làm thêm toàn bộ thời gian cho phép, 21 tuổi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nam giới vừa bán đi cửa hàng và đang tìm việc, 28 tuổi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nữ giới chưa từng đi làm hoặc muốn tìm việc làm, 55 tuổi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Cụ bà thường xuyên làm việc vài tiếng mỗi ngày tại quầy hàng của gia đình, 80 tuổi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Câu hỏi 4: LAO ĐỘNG

Giả sử thông tin về lực lượng lao động hàng năm được thể hiện bằng biểu đồ cây như trên.

Sau đây là bốn đặc điểm của biểu đồ cây. Hãy cho biết ý kiến của bạn về việc có cần thay đổi các đặc điểm này theo từng năm hay không, khoanh tròn vào “Đổi” hoặc “Không đổi”. Dòng đầu tiên là ví dụ.

Đặc điểm của biểu đồ cây	Trả lời
Tên của mỗi ô (VD: "thuộc lực lượng lao động")	Đổi / Không đổi
Tỉ lệ (VD: 64,2)	Đổi / Không đổi
Số lượng (VD: 2656,5)	Đổi / Không đổi
Chú thích bên dưới biểu đồ cây	Đổi / Không đổi

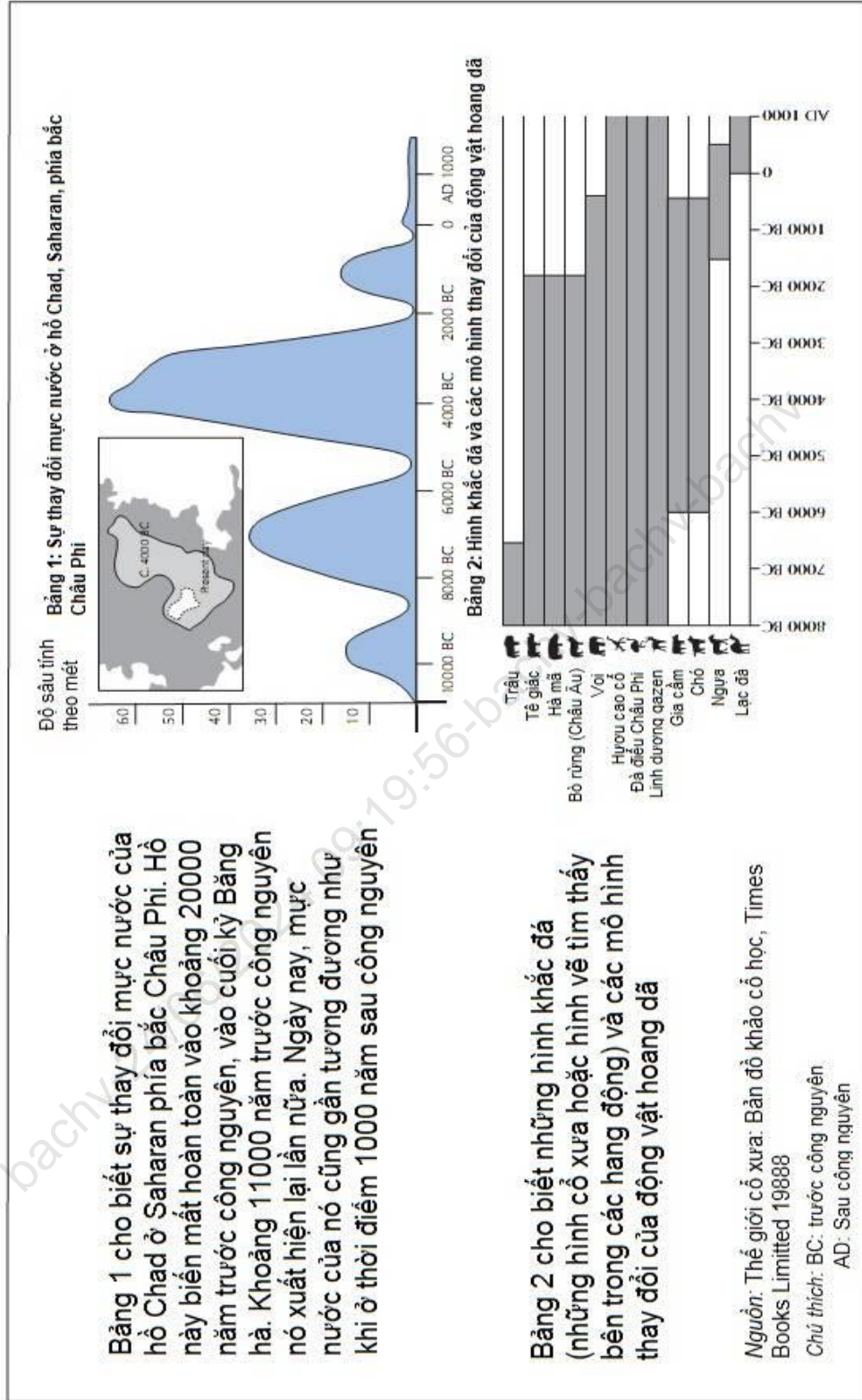
Câu hỏi 5: LAO ĐỘNG

Thông tin về cơ cấu lực lượng lao động được trình bày theo biểu đồ cây, ngoài ra có thể trình bày dưới nhiều dạng như văn viết, biểu đồ hình tròn, đồ thị hoặc bảng biểu.

Biểu đồ cây thường được chọn do thể hiện hiệu quả việc:

- A. Thay đổi theo thời gian.
- B. Quy mô tổng dân số.
- C. Kiểu lao động của mỗi nhóm.
- D. Quy mô các nhóm.

BÀI 2. HỒ CHAD



Sử dụng thông tin trên về hồ Chad để trả lời các câu hỏi dưới đây.

Câu hỏi 1: HỒ CHAD

Hiện tại độ sâu của hồ Chad là bao nhiêu?

- A. Khoảng 2 mét
- B. Khoảng 15 mét
- C. Khoảng 50 mét
- D. Nó đã hoàn toàn biến mất
- E. Thông tin không được cung cấp

Câu hỏi 2: HỒ CHAD

Năm bắt đầu của đồ thị trong Bảng 1 là khoảng năm nào?

.....
.....

Câu hỏi 3: HỒ CHAD

Tại sao tác giả lựa chọn bắt đầu đồ thị tại điểm này?

.....
.....

Câu hỏi 4: HỒ CHAD

Hình 2 được dựa trên giả định rằng:

- A. Những động vật ở trong bức tranh nghệ thuật trên đá đã xuất hiện ở thời điểm chúng được vẽ ra.
- B. Những nghệ nhân vẽ nên các động vật đều có tay nghề rất cao.
- C. Những nghệ nhân vẽ nên các động vật chắc rằng đã đi rất nhiều nơi.
- D. Không xuất hiện bất kì nỗ lực nào để thuần hoá các loại động vật được mô tả trong nghệ thuật trên đá.

Câu hỏi 5: HỒ CHAD

Đối với câu hỏi này, các bạn cần phải rút được thông tin từ cả Hình 1 và Hình 2.

Sự biến mất của loài tê giác, hà mã và bò rừng Châu Âu từ bức nghệ thuật Sahara xảy ra:

- A. Vào những năm đầu tiên của Kỷ băng hà gần đây nhất.
- B. Vào giữa thời điểm hồ Chad đang ở mực nước cao nhất.
- C. Sau khi mực nước ở hồ Chad đã giảm đi khoảng 1000 năm.
- D. Vào thời điểm bắt đầu thời kì khô hạn kéo dài.

BÀI 3. BẮT NẠT BẠN BÈ

Phụ huynh thiếu hiểu biết về nạn bắt nạt bạn bè

Theo khảo sát của Bộ Giáo dục công bố vào thứ Tư, chỉ có một phần ba phụ huynh được hỏi biết là con mình dính líu tới chuyện bắt nạt bạn bè.

Cuộc khảo sát tiến hành từ tháng 12 năm 1994 đến tháng 1 năm 1995, có sự tham gia của 19.000 phụ huynh, giáo viên và học sinh tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông, đây là những nơi đang xảy ra chuyện bắt nạt bạn bè.

Cuộc khảo sát đầu tiên về sự việc này do Bộ tiến hành trên học sinh từ lớp bốn trở lên. Theo cuộc khảo sát, có 22% học sinh tiểu học cho biết các em bị bạn bè bắt nạt, trong khi học sinh trung học cơ sở là 13% và học sinh trung học phổ thông là 4%.

Mặt khác, có 26% học sinh tiểu học cho biết các em bị bắt nạt, trong khi tỉ lệ giảm dần ở cấp trung học cơ sở là 20% và 6% ở cấp phổ thông.

Trong số những người trả lời, có 39% đến 65% cho biết mình đã từng bị bạn bè bắt nạt.

Cuộc khảo sát cho thấy có 37% phụ huynh học sinh tiểu học bị bắt nạt có biết về con em mình là đối tượng bị bắt nạt. Con số 34% là phụ huynh học sinh trung học cơ sở và 18% phụ huynh học sinh trung học phổ thông.

Trong số phụ huynh biết về chuyện bắt nạt, có 14% đến 18% nói là mình được giáo viên thông tin về việc này. Chỉ có 3 đến 4% phụ huynh biết con mình bị bắt nạt là theo cuộc điều tra.

Ngoài ra, cuộc điều tra còn phát hiện có 42% giáo viên tiểu học không biết chính học sinh của mình là đối tượng bắt nạt. Tỉ lệ giáo viên trung học cơ sở là 29% và trung học phổ thông là 69%.

Khi được hỏi về lí do đằng sau chuyện bắt nạt, có khoảng 85% giáo viên cho biết là do thiếu giáo dục ở nhà. Nhiều bậc phụ huynh cho rằng thiếu hiểu biết về pháp luật và lòng nhân ái ở trẻ là lí do chính.

Một chuyên viên của Bộ Giáo dục cho biết một số ý kiến đề xuất cha mẹ và gia đình nên gần gũi chuyện trò hơn nữa với con em mình để tránh chuyện bắt nạt.

Chuyện bắt nạt ở trường trở thành vấn nạn chính ở Nhật Bản sau khi Kiyoteru Okouchi 13 tuổi treo cổ tự vẫn ở Nishio, Aichi Prefecture, vào mùa thu năm 1994, để lại thư viết rằng một số bạn học cùng lớp đã nhiều lần dìm em xuống nước và moi tiền của em.

Hành động bắt nạt - tự sát đã thúc đẩy Bộ Giáo dục công bố báo cáo về nạn bắt nạt vào tháng 3 năm 1995, trong đó đề nghị giáo viên có biện pháp đuổi học những học sinh hay bắt nạt.

Nguồn: Kyodo, The Japan Times Ltd., Tokyo, ngày 23 tháng 5 năm 1996.

Bài báo trên đăng tải trên một tờ báo Nhật Bản năm 1996. Đọc và trả lời các câu hỏi sau đây.

Câu hỏi 1: BẮT NẠT BẠN BÈ

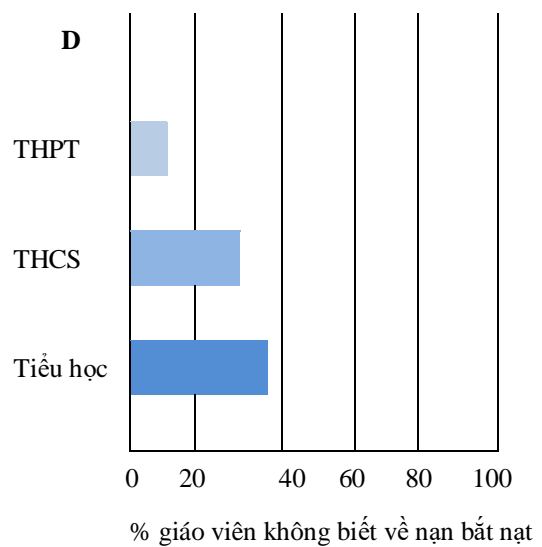
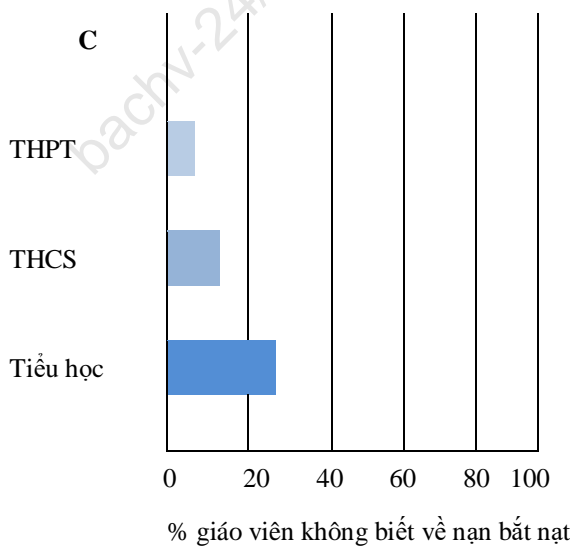
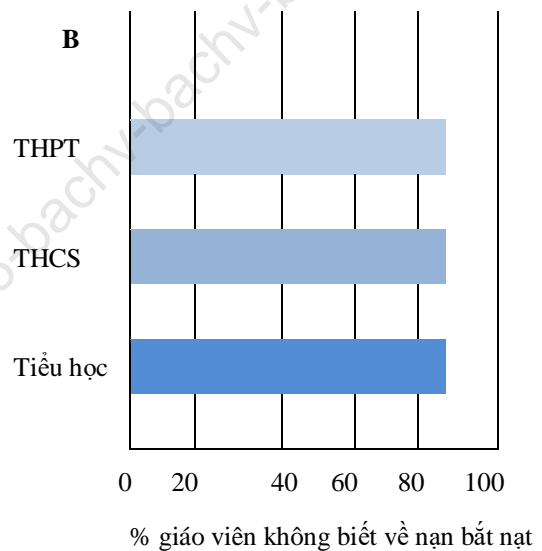
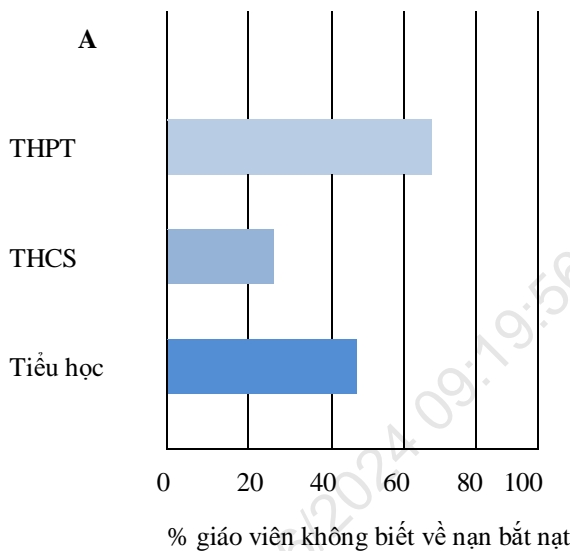
Tại sao bài báo lại đề cập tới cái chết của Kiyoteru Okouchi?

.....

.....

Câu hỏi 2: BẮT NẠT BẠN BÈ

Tỉ lệ giáo viên ở mỗi cấp học không biết về việc học sinh của mình đang bị bắt nạt? Khoanh tròn đáp án (A, B, C hoặc D) thể hiện đúng nhất.

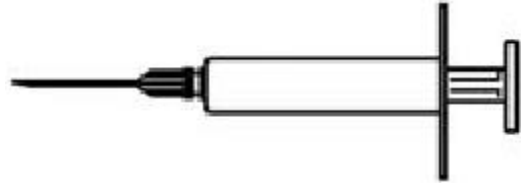
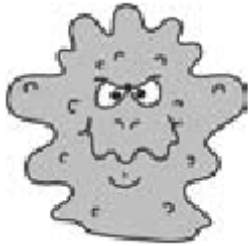


BÀI 4. BỆNH CÚM

CHƯƠNG TRÌNH TIÊM CHỦNG CÚM TỰ NGUYỆN CỦA ACOL

Chắc rằng bạn không thể lường trước được bệnh cúm có thể tấn công nhanh và mạnh đến mức nào trong mùa đông. Nó có thể khiến nạn nhân bị bệnh trong nhiều tuần.

Cách tốt nhất để chống lại vi-rút là giữ một cơ thể khoẻ mạnh. Việc tập luyện hàng ngày và chế độ ăn uống kèm với thật nhiều hoa quả và rau xanh rất được khuyến khích để hỗ trợ hệ thống miễn dịch nhằm chống lại các vi-rút này xâm nhập vào cơ thể.



ACOL đã quyết định cho nhân viên của họ được chủng ngừa để chống lại bệnh cúm như là một cách bổ sung để phòng ngừa vi-rút này lây lan giữa mọi người. ACOL đã bố trí để mời một y tá đến tiến hành tiêm chủng tại ACOL trong nửa ngày làm việc vào ngày 17 tháng 5. Chương trình này là miễn phí và giành cho tất cả thành viên của tổ chức.

Việc tham gia là tự nguyện. Các nhân viên đồng ý tiêm chủng sẽ được yêu cầu kí vào một mẫu giấy thoả thuận rằng họ không bị bắt kí dị ứng nào và họ hiểu rằng có thể sẽ phải chịu một chút tác dụng phụ.

Tư vấn y tế đã chỉ ra rằng, việc tiêm chủng ngừa sẽ không sinh ra cúm. Tuy nhiên, có thể sẽ gây ra một số tác dụng phụ như mệt mỏi, sốt nhẹ và kích ứng nhẹ ở tay.

NHỮNG AI CẦN ĐƯỢC CHỦNG NGỪA?

Tất cả những ai quan tâm tới việc cần được bảo vệ khỏi vi-rút.

Việc tiêm chủng được khuyến cáo đặc biệt đối với những người trên 65 tuổi; và không kể tuổi tác, **BẤT CỨ** AI bị bệnh mãn tính, suy nhược cơ thể, đặc biệt là bệnh về tim phổi, phế quản hoặc bị tiểu đường.

Trong môi trường công sở, **TẤT CẢ** đội ngũ làm việc đều có nguy cơ nhiễm cúm.

NHỮNG AI KHÔNG NÊN TIÊM CHỦNG?

Những người bị miễn cảm với trứng, đang bị sốt cấp tính và phụ nữ có thai.

Hãy đến bác sĩ để kiểm tra xem bạn có đang sử dụng một loại thuốc nào có phản ứng trước đó với vi-rút cúm hay không.

Nếu bạn muốn tiêm chủng trong tuần của ngày 17 tháng 5, vui lòng liên hệ với nhân viên tư vấn Fiona McSweeney trước thứ 6 ngày 7 tháng 5. Thời gian sẽ được sắp xếp sao cho phù hợp với đội ngũ y tá và phần lớn nhân viên của bạn. Nếu bạn muốn tiêm chủng trong mùa đông mà không thể tham dự theo thời gian đã sắp xếp, vui lòng báo lại với Fiona. Chúng tôi sẽ sắp xếp một phiên thay thế nếu số lượng yêu cầu thích hợp.

Vui lòng liên hệ với Fiona qua số máy lẻ 5577 để biết thêm chi tiết.

Enjoy
Good Health

Fiona McSweeney, nhân viên nhân sự tại một công ty tên là ACOL, đã chuẩn bị thông tin trên đây dành cho nhân viên của ACOL. Hãy tham khảo thông tin trên để trả lời các câu hỏi sau.

Câu hỏi 1: BỆNH CÚM

Nhận định nào dưới đây mô tả nội dung chương trình tiêm chủng ngừa bệnh cúm của công ty ACOL?

- A. Các lớp thể thao hàng ngày sẽ được diễn ra trong suốt mùa đông.
- B. Việc tiêm chủng sẽ được tiến hành trong giờ làm việc.
- C. Một phần thưởng nhỏ sẽ được cung cấp cho những người tham dự.
- D. Một bác sĩ sẽ thực hiện việc tiêm chủng.

Câu hỏi 2: BỆNH CÚM

Chúng ta có thể nói về *nội dung* của một phần bài viết (đề cập tới vấn đề gì).

Chúng ta có thể nói về *văn phong* (phương thức trình bày).

Fiona muốn *phong cách* của thông tin này phải thân thiện và mang tính khuyến khích.

Bạn có nghĩ rằng cô ấy thành công không?

Hãy đưa ra lí giải cho câu trả lời của em bằng cách đề cập tới chi tiết về bố cục, hình ảnh và các biểu đồ khác.

.....
.....

Câu hỏi 3: BỆNH CÚM

Tờ thông báo này khuyến khích bạn rằng nếu muốn bảo vệ bản thân khỏi vi-rút cúm, với một mũi tiêm cúm thì

- A. có hiệu quả hơn hẳn việc tập luyện và có chế độ ăn khoẻ, nhưng mạo hiểm hơn.
- B. một ý kiến hay, nhưng không phải dùng để thay thế cho việc tập luyện và chế độ ăn khoẻ.
- C. có tác dụng tương tự như tập luyện và có chế độ ăn khoẻ, và ít phức tạp hơn.
- D. không đáng để cân nhắc nếu bạn đã tập luyện thật nhiều và có chế độ ăn khoẻ.

Câu hỏi 4: BỆNH CÚM

Một phần thông tin nói rằng:

Những ai cần được tiêm chủng phòng bệnh?

Tất cả những ai quan tâm tới việc cần được bảo vệ khỏi vi-rút.

Sau khi Fiona đã lưu hành tờ thông tin này, một đồng nghiệp nói với cô ấy rằng cô ấy nên bỏ phần “Tất cả những ai quan tâm tới việc cần được bảo vệ khỏi vi-rút” vì như vậy sẽ gây hiểu lầm.

Bạn có đồng ý với ý kiến này không?

Giải thích câu trả lời đó

.....

.....

.....

.....

Câu hỏi 5: BỆNH CÚM

Dựa vào tờ thông tin, những ai trong thành viên của tổ chức nên liên hệ với Fiona?

A. Steve từ cửa hàng, anh ta không muốn phải tiêm chủng mà tự tin vào hệ thống miễn dịch tự nhiên của mình hơn.

B. Julie từ nhóm bán hàng, cô ấy muốn biết chương trình tiêm chủng này có bắt buộc hay không.

C. Alice từ phòng văn thư, cô ấy muốn tiêm chủng phòng bệnh nhưng lại đang có thai em bé hai tháng.

D. Michael từ phòng kế toán, anh ấy muốn được tiêm chủng nhưng lại nghỉ trong tuần của ngày 17 tháng 5.